

*KINH THÍCH*  
**NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT NHÃ  
BA LA MẬT ĐA**  
**QUYỂN HẠ**

“Như Lai nói tướng đầy đủ đó, chẳng phải là tướng đầy đủ, do đó mới nói là tướng đầy đủ”. Điều này có ý nghĩa gì?

Tụng nói:

*Gọi là chân pháp thân,  
Không phải thân viên mãn,  
Cũng chẳng phải tướng đủ,  
Chẳng tánh thân nên biết,  
Với pháp thân không khác,  
Như Lai chẳng không hai,  
Nói lại tướng đầy đủ,  
Do hai thể đều không.*

Nói pháp thân, thật sự không sắc thân viên mãn, vẻ đẹp tùy hình, mà nên biết, cũng không phải là các tướng đầy đủ, vì tánh của pháp thân là không có thân. Pháp thân không có nghĩa là tướng cụ túc, cũng không phải Như Lai không có hai thứ đó. Sở dĩ nói là sắc thân viên mãn và các tướng đầy đủ, là vì hai loại này, không rời pháp thân. Thế nên Như Lai mới có thân tướng đẹp đẽ ấy, vì đó mà phải nhắc lại. Sắc thân viên mãn và các tướng đầy đủ”. Do cả hai đều là không, thế nên cũng nói chúng là không. Nói nó chẳng phải là viên mãn, cũng chẳng phải là tướng đầy đủ, thì cũng nói là có. Nói sắc thân viên mãn và tướng cụ túc” là có ý gì? Do pháp thân đó không là tướng tốt này, cho nên gọi đó là sắc thân viên mãn và tướng đầy đủ của Như Lai. Do sắc thân viên mãn và các tướng đầy đủ cùng với thân kia không thể rời nhau. Tánh của pháp thân tức không phải như vậy. Nhưng pháp thân không phải là tánh của thân kia.

Nếu nói: Chẳng nên lấy sắc thân viên mãn và thân tướng đầy đủ

để thấy Như Lai, thì Như Lai làm sao nói pháp? - Để đáp lời hỏi này: “Đây tức là có tâm ác, muốn chê bai, chống báng Ta, do không hiểu được nghĩa lý của Ta nói”. Tụng nói:

Như Phật nói cũng không,  
Nói hai là còn chấp.

Với ý nghĩa gì mà nói lặp lại: “Thuyết pháp, thuyết pháp” đó. Bài Tụng nói: Nói hai là còn chấp. Thế nào là hai:

1. Chính là văn.
2. Cho là nghĩa.

Với lý do nào mà văn kinh bảo: Không có pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp? Đáp; Tụng nói: Do không lìa pháp giới - Nói cũng không tự tánh. Do không lìa xa ngoài pháp giới, mà có tự tánh nói pháp có thể được. Nếu nói không có Thế Tôn là người nói, và pháp được nói cũng không lìa pháp thân, nên trở thành chẳng có. Như thế là pháp rất sâu kín cao xa, làm thế nào mà người ta có thể tin hiểu quý kính được? - Để dẹp trừ thắc mắc này, Tụng đáp:

*Năng thuyết-Sở thuyết tuy rất sâu  
Nhưng chẳng phải, không có tin kính.*

Kinh nói: “Này Diệu Sinh! Đó chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải phi chúng sinh”. Là nói ý gì? Tụng nói:

Chẳng phải chúng sinh, chẳng phi chúng sinh,  
Chẳng phải Thánh, tánh Thánh cùng tương ứng.

Có những người, có thể sinh lòng tin kính, người đó chẳng phải là chúng sinh. Do các chúng sinh khác không cùng với tánh Thánh tương ứng, mà tương ứng với tánh phàm phu. - Chẳng phải phi chúng sinh, là do tương ứng với tánh Thánh nhân. Ở trong nghĩa này do kẻ ấy hướng về tánh phàm phu, nên không phải là chúng sinh do kẻ ấy mong cầu tánh Thánh nhân, nên chẳng phải là chúng sinh. “Vì sao? Chúng sinh, chúng sinh ấy, Như Lai nói, đó chẳng phải chúng sinh”. - Đây là căn cứ vào tính chất của hàng dị sinh ngu si thấp bé. “Do đó mới nói là chúng sinh”, thì đây là căn cứ vào tánh của Thánh nhân.

Nếu nói: Như Lai chưa từng có pháp nào, để được giác ngộ thì tại sao lại bảo là phải lìa sự hiểu biết thứ lớp sau cùng, để được gọi là bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? - Để đáp lại câu hỏi này, phải hiểu: Không phải là có pháp để có thể giác ngộ, mới gọi là Vô thượng Chánh giác. Nhưng do Tụng nói:

*Chút pháp cũng không có  
Vô thượng giác, nên biết,*

*Do pháp giới không thêm  
Tánh thanh tịnh bình đẳng  
Và phương tiện vô thượng.*

Ở đây, dù là một chút pháp cũng không có để vượt hơn, cho nên gọi là Vô thượng. Hơn nữa, pháp giới không có thêm, vì pháp ấy bình đẳng, nên gọi là “Vô thượng”. Tánh chất của “thượng thượng” không có. Vả lại, pháp thân Như Lai là thanh tịnh bình đẳng, nên pháp ấy không có chỗ nào là không bằng nhau. Không có một chút nào tăng thêm nữa, nên gọi là Vô thượng.

Hơn nữa, tự tướng của pháp ấy là vô ngã, đấy tức là cao. Mà tánh cao thì không có, nên gọi là Vô thượng. Hơn nữa, đối với các phương tiện, thì cũng là Vô thượng. Hết thấy pháp thiện đều tròn đầy, nên gọi là Vô thượng. Các Bồ-đề khác, đối với pháp thiện thì không viên mãn. Do vậy, phương tiện này thật có trên hết. Chính vì điều đó, mà Như Lai nói chẳng phải là pháp thiện, nên gọi đó là pháp thiện. Đây là ý gì? Tụng nói:

*Do tánh lậu chẳng pháp,  
Nên chẳng phải pháp thiện,  
Do đó gọi là lành.*

Do có tánh hữu lậu, nhưng không nắm giữ tướng hữu lậu, vì không nắm giữ, do vậy mà gọi là pháp thiện. Nắm giữ tánh vô lậu, thì nhất định đó là tánh lành.

- Nếu phải nhờ pháp thiện để được Đại Bồ-đề, thì những thuyết pháp cũng lẽ ra không thể chứng được Bồ-đề, vì nó thuộc tánh chất vô ký. - Vì ngăn lời hỏi này, nên nói phước đức có khác nhau là để giải đáp cho pháp thuyết ấy. Giả sử, việc thuyết pháp là vô ký, thì cuối cùng vẫn được phước chứng quả. Tụng nói:

*Nói pháp tuy vô ký,  
Chẳng phải không có quả.*

Vì chẳng lừa nó mới được Bồ-đề. Tức phải nhờ pháp thuyết ấy, thì Đạo Bồ-đề mới khế hợp được. Tụng nói:

*Do một pháp báu này,  
Hơn vô lượng báu khác.*

Cho nên ở đây, nói về sự quý báu của được pháp thuyết này, tức là so sánh với việc bố thí vô số châu báu, nhiều như số núi Diệu Cao ở trước, để chỉ rõ là phước đức có được khác nhau. Giả sử có một trăm phần, thì phước đức bố thí ở trước, không bằng một phần của phước đức trì kinh và giảng nói rộng rãi này. Ở đây định làm rõ nghĩa gì? Tụng

nói:

*Với mọi cách tính đếm,  
Nhân cũng có khác nhau,  
Suy tìm khắp thế gian,  
Không có chỗ thí dụ.*

Đây nói lấy phước đức này, so với tụ phước đức trước, thì có bốn loại so sánh phân biệt. Đó là Tính toán, Thế lực, Tương trợ và Nhân. Đối với phước trì kinh này... tìm khắp thế gian mọi cách tính toán, suy lường... cũng không có thí dụ vào có thể sánh ví nổi.

- Nói do tính đếm phân biệt, trước hết, giả sử có một trăm phần, rồi từ phần thứ một trăm, tính đếm mãi lên, đến mức không còn có thể tính đếm nào để phân biệt được. Nhưng nói tính đếm, đây tức phân biệt nói chung, còn ngoài ra là ý nói những con số được tính toán. - Nói do thế lực phân biệt:

- Nói do tương trợ phẩm loại phân biệt là nói phước trì kinh này vốn không tương trợ loại phước bố thí châu báu... để mà sánh kể với nhau.

- Nói do Nhân phân biệt, là nói nhân cho đến quả của trì kinh cũng không can hệ gì đến nhân quả bố thí hữu lậu kia. Và kia cũng không thể làm nhân cho đây. (Ổ Ba Ni Sát Đàm dịch là Nhân, như hạt cải, đem sánh với cây tùng bách). Ở thế gian này, rốt lại, không có cái gì để đem ra làm thí dụ, cho hình ảnh của phước đức ấy. Do đó, nếu lấy phước trước (là bố thí) đem so sánh với phước này (trì kinh, giảng nói) thì quá ít, đến nỗi chẳng có lời nào diễn tả thật chính xác, đầy đủ được! Cho nên nói dù có thí dụ cũng không thể bì kịp.

Nếu nói tánh và tướng của pháp ấy bình đẳng, thì không lý không bình đẳng, tức là không có người độ thoát và người được độ thoát (Năng độ, Sở độ). Tại sao Như Lai lại nói có độ thoát cho loài hữu tình? - Vì giải đáp vấn nạn này nên tiếp văn sau. Để trình bày nghĩa đấy, - Tụng nói:

*Vì pháp giới bình đẳng,  
Phật không độ chúng sinh,  
Với các danh cùng tụ (uẩn),  
Không ở ngoài pháp giới.*

Phàm giả lập tên gọi hữu tình là đối với Uẩn xứ kia mà gọi. Do danh và uẩn là cùng chung, không ở ngoài pháp giới. Tức tánh của pháp giới này bình đẳng. Thế nên, chưa từng có một chúng sinh nào có thể được Như Lai độ thoát cả. Thế thì tại sao ở đây lại nói có chấp Ngã? Việc đó có ý gì? - Nếu nói chỉ có độ thoát cho năm uẩn đó mà thôi, tức

đã xem như có chúng sinh rồi. Vì thế nên tụng nói:

*Nếu khởi sự chấp pháp,  
Thì lỗi như chấp ngã,  
Chấp có độ chúng sinh,  
Là không chấp vọng chấp.*

Như kinh nói: “Này Diệu Sinh! Nói chấp ngã đó, thì Như Lai nói là chẳng phải chấp”. Vì vọng chấp, nên Như Lai nói là chẳng phải sinh, tức là chẳng thể sinh ra các nghĩa của pháp Thánh. - Nếu nói chẳng nên lấy tướng đầy đủ, mà quán xét Như Lai, vì cái tướng đầy đủ ấy chẳng phải là tự tánh, mà tự tánh của Như Lai là Pháp thân. Song, tự tánh Pháp thân của Như Lai, thì có thể dùng cái tướng đầy đủ, để so sánh mà biết được. Có vấn nạn như thế. Vì dẹp bỏ nghi ấy, nên tiếp văn sau. Sẽ nói rõ nghĩa gì? Tụng nói:

*Chẳng nên đem sắc thể,  
Chuẩn định Pháp thân Phật,  
Chớ xem vua Chuyển luân,  
Cùng Như Lai đồng nhau.*

Đó là phước của tướng báo thân, cũng gọi là tướng đầy đủ. Do tướng đó, mà thành pháp thân này, nhờ sức của phước, mới chứng được Bồ-đề. Có người nói như thế. Ý là nói Như Lai lấy tướng đầy đủ kia hiện ra để chứng quả Chánh Giác Vô Thượng. Vì dẹp bỏ ý nghi đó, nên nói: “Chẳng nên lấy tướng đầy đủ v.v..” - Sắp làm rõ nghĩa gì? - Tụng nói:

*Quả báo tướng đầy đủ,  
Viên mãn phước không thuận,  
Cảm ứng được pháp thân,  
Do dị tánh phương tiện.*

Vì chân pháp thân là tự tánh của trí tuệ, cho nên so với phước kia thì thể tánh không giống nhau. Hai bài kệ đây cần trình bày điều gì? Kệ tụng trong kinh nói:

*- Nếu lấy sắc thấy Ta,  
Lấy âm thanh cầu Ta,  
Người ấy siêng làm tà,  
Chẳng thể thấy được Ta!  
- Nên quán tánh Phật pháp,  
Tức pháp thân Đạo sư,  
Thức khó biết pháp tánh,  
Nên không thể hiểu rõ.*

Hai bài Tụng này, nghĩa đã nói rồi. Tụng nói:

*Chỉ thấy sắc, nghe tiếng,  
Người ấy không biết Phật,  
Pháp thân Chân như này,  
Chẳng phải cảnh của thức.*

Ý của lời văn này nói: Không nên lấy hai thứ sắc và thính mà quán xét Như Lai. Vì là Dị sinh nên không thể thấy được. Vì sao thế? - Vì người đó khởi sự chuyên cần làm việc tà quấy. Nói Dị sinh đó, vọng khởi chuyên cần làm việc tà; không nương theo chánh đạo, mà cầu thấy được Ta." Ở đây nói Pháp tánh tức là Chân như.

Nếu nói phước thì không thể chứng được Bồ-đề thì Đây tức là nói quả báo phước nghiệp của Bồ-tát, cũng phải đoạn trừ. Vì giải đáp điều nghi này, nên có văn tiếp theo, nói tánh của phước ấy, tuy chẳng thể trực tiếp nhưng chiêu cảm chứng được Bồ-đề... Tụng nói:

*Phước ấy, chẳng bỏ mất,  
Quả báo chẳng đoạn tuyệt,  
Được Nhẫn cũng chẳng đoạn,  
Vì đã được Vô cấu,  
Lại luận về nhân phước,  
Vì đây nói dụ ấy,  
Phước đó không quả báo,  
Chánh ngữ không tà giữ.*

Do đây là tánh tư lương của trí ấy. Sao trình bày lại thí dụ về phước đức? Nên nói: Được nhẫn cũng chẳng đoạn, vì đã được vô cấu. Lại luận về nhân của phước kia, vì nó mà trình bày bằng dụ - Lại có nghi: Đã được trí Vô sinh pháp nhẫn tức không sanh, thì phước đức của Bồ-tát đều cần phải đoạn tuyệt. Vì chỉ rõ, phước ấy không đoạn tuyệt cho đến hoàn toàn thanh tịnh, đạt phước đã nhiều, quả báo cũng hơn nhiều. Đối với pháp không sinh thì được vô tánh ấy là có hai loại vô tánh (tánh không có Ngã, tánh không có Pháp). Do thể tánh của hai loại: Ngã-Pháp không sanh nên vậy.

Kinh nói: "Này, Diệu Sinh! Nên chính thức nhận lấy, không nên tà vạy nhận lấy thế nào là chánh thức nhận lấy, không nên tà vạy nhận lấy. Đáp: Phước kia không (cầu) quả báo. Cho nên chánh thức nhận lấy". Mọi phước đức chiêu cảm quả báo là điều đáng sợ! Phải biết, nếu chấp lấy quả báo đó tức là tà vạy nhận lấy. Cũng giống như vượt bờ con đường chánh, đi vào những ngõ ngách hiểm nguy. Nhưng vì phước đó không gây nên quả báo, cho nên đó là chánh thức nhận lấy, chứ không

phải tà vạy nhận lấy.

Hỏi: Bến phước đức, Bồ-tát đã chẳng chiêu cảm các quả báo, thì kết quả là chúng sanh thu hoạch được, làm sao được biết? Tụng đáp:

*Phước ấy nhận quả hóa,  
Làm việc lợi hữu tình,  
Sự ấy do tùy ý,  
Thành Phật hiện các phương.  
Tối lui là Hóa hiện,  
Chánh giác luôn bất động,  
Ở nơi pháp giới ấy,  
Không một và không khác.*

Chư Phật Thế Tôn hiện ra đủ những biến hóa chứ không phải là Như Lai có đi lại, tới lui.

Nói: “Việc ấy do tùy ý, thành Phật hiện các phương tới lui là hóa hiện, chánh giác luôn bất động”. Để làm rõ nghĩa này, nên đoạn kinh tiếp nói. “Chưa từng có đi, chẳng hề có lại, do đó gọi là Như Lai”. - Điều đó có ý nghĩa gì? “Nếu Như Lai có đi, có lại, khác nhau v.v.. thì đó chẳng phải là Như Lai”. Vì tánh của Như luôn luôn vậy, không hề thay đổi, biến dời. - Còn thí dụ bụi li ti nghiền nát, là dụ cho ai, nói rõ về việc gì? - Đáp: “Ở nơi trong pháp giới ấy không phải là một, không phải khác, nên biết”. Nói Như Lai ở trong pháp giới đó thì tánh chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Vì ý muốn trình bày về việc này, nên phải nêu dụ ấy. Tụng nói:

*Bụi nhỏ nghiền làm mực  
Dụ cho pháp giới.*

Lại nữa, thí dụ thế giới làm mực là hiển bày nghĩa gì? Tụng nói:

*Đây luận việc tạo mực,  
Là nói phiền não hết,  
Tánh chẳng tụ chẳng tập,  
Là tánh không phải một,  
Với tánh tổng tập đó,  
Làm rõ tánh không khác.*

Thí như việc làm mực. Có nhiều bụi bặm rất nhỏ, nhưng không phải ở chung một chỗ, vật tụ tập đó cũng chẳng phải là một chất, một khối, nhưng cũng chẳng khác (tánh) nhau, do chúng họp chung nhau lại. Đây là không có sự riêng rẽ nhau, theo nghĩa cắt nát ra nhiều mảnh nhỏ. Nên biết như thế.

Chư Phật Thế Tôn ở trong pháp giới, tất cả các chương phiền não

đều dứt hết, tánh chẳng phải ở một chỗ, tánh cũng chẳng phải khác, đây là nói gồm chung cả ba ngàn đại thiên thế giới, không phải là tánh tụ, và nếu là tánh tụ, thì dụ ấy cũng giống nhau. Như Lai nói đó chẳng phải là tánh tụ. Thế nên mới nói là nhóm rất li ti - Đây muốn nói nghĩa gì? - Nếu vật tụ tập ấy là một, thì không nên nói đó là nhóm những chất rất nhỏ. Vả lại, nếu đó là một cõi, thì cũng không nên nói là cả ba ngàn đại thiên thế giới. Do đó, nên nói: Đây tức là chấp có tích tụ. Đây là Như Lai nói chẳng phải chấp; không vì tích tụ mà chấp. Do vọng chấp ấy, nên mới nói là chấp có tích tụ (chấp tụ). Ý muốn nói, là nó khác với những cái không phải là chánh trí Vô thượng. Lại do nhân gì, những kẻ phàm phu ngu kia, đối với cái thật sự không có tụ họp mà lại chấp? - Để trả lời câu hỏi này, nên nói: Đó là chấp tụ! Chỉ theo lối suy luận thông thường, thì nói như thế là có. Đây muốn nói rõ điều gì? - Tụng nói:

*Chẳng hiểu vì Tục nói,  
Kẻ phàm ngu vọng chấp.*

“Này Diệu Sinh! Có nhiều kẻ nói: Như Lai tuyên nói ngã kiến v.v...” Đây là nghĩa gì? - Tụng nói:

*Đoạn trừ ngã và pháp,  
Chẳng chứng giác là không.*

Đã nói, thể hai thứ ngã và pháp là không. Tuy nói đã đoạn hết hai thứ này nhưng cũng chưa chứng được Bồ-đề. Thế thì phải đoạn dứt cái gì mới chứng được? - Đáp: Phải đoạn hết hai thấy, tức là phải đoạn dứt hai cái thấy Vô ngã và Vô pháp. Tụng nói:

*Cho nên thấy không thấy,  
Không chấp cảnh hư vọng.*

Do đó, phải biết thể của ngã là không. Những ai nói có ngã kiến, Như Lai nói là chẳng phải kiến (thấy), vì không có cảnh để thấy. Ý dạy: Cảnh của ngã xưa nay vốn là không.

Văn nói: Gọi là ngã kiến (thấy có ta) - Là do phân biệt, giả dối mà có. Như thế đối với lý vô ngã, hiện rõ thấy cái tánh không thấy. Đối với pháp cũng hiện rõ thấy cái tánh không thấy. Thế nên văn kinh có nói: Đối với tất cả pháp nên biết như thế v.v.. Nhưng tưởng về pháp kia, cũng chẳng phải là tánh tướng, nó như ngã kiến. Lại có ý gì?

Khi đã cho là có hai cái thấy ngã và pháp, còn nói là chẳng phải tánh thấy? - Đáp:

*Đó là chướng vi tế,  
Biết thế, nên phải đoạn.*

Nghĩa muốn trình bày, ở đây là hai sự thấy ngã và pháp; đó đều



là chấp lấy cái thấy, đó nghĩa là chướng vi tế. Do hai cái đó, mà biết đúng được, đó chẳng phải tánh thấy như vậy; nên mới có thể đoạn trừ được. - Kinh nói: Nên biết như thế, nên thấy như thế, nên hiểu như thế đó. Văn này là nói. Nghĩa ấy Tụng nói:

*Do được hai thứ trí,  
Và định, mới trừ nó.*

Nghĩa là dùng lại trí Thắng nghĩa trí Thế tục và định nương nhờ vào hai chỗ đó, mới có thể trừ được chướng vi tế ấy. Luận về chỗ sai khác của phước, là muốn nói điều gì? Tụng đáp:

*Nói phước rõ hoá thân,  
Phước vô tận-chẳng không.*

Dù tùy ý biến hóa, ứng dụng rộng khắp, nhưng Như Lai, khi hóa thân tuyên nói chánh pháp, thì đó là phước vô lậu không có hạn kỳ chấm dứt. Thế nào là nói chánh pháp? Ý này chỉ rõ, Như Lai không tự nói: Ta là hóa thân. Tụng nói:

*Khi chư Phật nói pháp,  
Không nói là hoá thân,  
Do vì chẳng tự nói,  
Nên nói pháp chân thật.*

Ở đây muốn trình bày điều gì? - Là nói: Tuy thuyết pháp, hóa độ chúng sinh, nhưng Như Lai không tự bảo Ta là Phật hóa thân. Do không chánh thức nói như thế, nên đó mới gọi là nói chân chánh. Ý dạy: Nếu làm khác điều này thì các chúng sanh được hóa độ sẽ không sanh lòng tôn kính. Có vậy mới làm ích lợi cho chúng sinh. Thật sự không có pháp có thể nói. - Nếu nói: Như Lai có rất nhiều hóa thân và nói pháp mãi mãi vô tận, thì tại sao Như Lai lại nói là có Niết-bàn? - Để giải đáp điều nghi này, có Kệ nói:

*Như Lai chứng Niết-bàn,  
Chẳng tạo cũng chẳng khác.*

Chẳng phải các Như Lai chứng được sự hoàn toàn vắng lặng là có tạo tác, vì tự tánh của hữu vi so với sự tạo tác ấy không khác. Tuy là hiện có Niết-bàn, nhưng đó chỉ là biến hoá, thị hiện với sinh tử, để làm ích lợi cho chúng sinh. Ở đây là muốn hiển bày việc Như Lai không trụ ở Niết-bàn. Sinh tử cùng Niết-bàn, cả hai đều không trụ. Lại có lý do gì mà thị hiện cùng với Sinh tử, nhưng không trụ vào nhân duyên của Sinh tử? - Tụng đáp: (Kệ tụng trong kinh là bốn câu đầu. Còn hai câu sau thuộc về Tụng của Luận)

*Hết thấy pháp hữu vi*

*Như sao, màng, đèn, huyễn  
Sương, bọt, mộng, chớp, mây,  
Nên quán xét như thế.  
Tập tạo này có chín,  
Lấy chánh trí mà quán.*

Đó là chín thứ như sao v.v..., cùng làm pháp dụ, lấy chín dụ làm cảnh, dùng chánh trí mà quán cảnh đó. Sao gọi là chín thứ quán sát cần nên biết? Tức là phải nên quán sát chín thứ đó. Quán là thế nào? Tụng nói:

*Thấy tướng cùng với thức,  
Thân-thọ dụng, chốn ở  
Quá khứ và hiện tại,  
Vị lai, đều quán rõ.*

Ở đây, nên quán thấy tâm pháp như là các vì sao, còn ánh sáng mặt trời là chánh trí, khi ánh mặt trời xuất hiện, thì ánh sáng của các vì sao đều biến mất. Nên quán các cảnh tướng của đối tượng đó. Như có người bị bệnh đau màng mắt, khi nhìn lên khoảng không, thấy có nhiều vầng tròn và nhiều sợi nhỏ tung tăng. Đó là ảo ảnh thấy lầm. - Nên quán cái thức kia giống như ngọn đèn. Sở dĩ có thể nương vào đó để thấy, là do dầu mỡ ái dục sinh ra.

Nên quán cuộc đời chỉ là huyễn ảo, cũng như cõi thế gian đây, có nhiều chất kỳ lạ, nhưng tánh nó không thật - Hãy quán thân này như giọt sương mai, chỉ hiện diện tạm thời trong thoáng chốc. - Hãy quán sự thọ dụng cũng như bọt nước, tính chất của thọ dụng là do ba việc họp lại mà sinh ra.

- Hãy quán những cái được tập hợp, tạo nên trong quá khứ, như là cảnh trong mơ, chỉ có trong trí nhớ, chứ không thực có. - Hãy quán các việc trong hiện tại, giống như điện chớp, loé ra đó thì mất ngay. - Hãy quán thể của vị lai chưa đến, như đám mây mù. Thức A Lại da tồn tại nhờ tạo lập do các hạt giống đối với thể của nó gồm thân và chứa giữ các hạt giống.

Khi quán sát chín thứ này thì lợi ích gì? Chứng được trí tuệ cao quý nào? Tụng nói:

*Do quán sát các tướng,  
Nên thọ dụng, đời đời,  
Ở trong pháp hữu vi,  
Đạt tự tại, vô cấu.*

Nghĩa này thế nào? Quán các pháp hữu vi có ba thứ:

1. Là do quán thấy thức cảnh, tức là quán sát các tướng, do tập hợp tạo nên hữu vi.
2. Là do quán thân tướng và sự thọ dụng ở cõi đời này, tức là quán sát các thọ dụng ấy, chính những thứ đó cho nó thọ dụng.
3. Là do quán ba đời luôn thay đổi khác nhau, tức là quán cái luôn luôn thay đổi, chẳng ngừng nghỉ.

Do các quán sát này mà đối với các pháp hữu vi, không có chướng ngại, luôn được tự tại tùy ý. Khi đó, dù lăn xả vào chốn sinh tử vẫn không hề bị phiền não vấy bẩn, Trí tuệ kia nếu lập chứng Niết-bàn hữu dư, (thân đoạn, trí tận) thì đâu thể nếu vị Từ bi. - Tụng nói:

*Là pháp hiếm có của chư Phật, Đà-La-Ni cú  
nghĩa sâu dày,  
Được nghe Từ Tôn bày nghĩa lớn,  
Được phước nhiều, khiến mau thanh tịnh.*

